

Số: 193/2018/QĐST-HNGĐ

Rạch Giá, ngày 02 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trương Thị Kiều H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Lô 6-6 đường B, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Trịnh Hồng N**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Lô 6-6 đường B, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

- Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Hồng N và chị Trương Thị Kiều H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Trương Thị Kiều H và anh Trịnh Hồng N xác nhận có 2 người con chung tên Trịnh Gia H1, sinh ngày 13/10/2008 và Trịnh Gia H2, sinh

ngày 17/10/2011. Anh N, chị H thỏa thuận thống nhất giao 02 cháu H1 và cháu H2 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu H1 cũng mong muốn được sống với mẹ (được thể hiện tại bản ý kiến ngày 14/4/2018). Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh N, chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N, chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N, chị H cam kết việc yêu cầu ly hôn không nhằm trốn tránh trách nhiệm về tài sản, nợ.

- *Về án phí hôn nhân gia đình:* Do thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Chị H tự nguyện nộp thay cho anh N 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Chị H đã tạm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003939 ngày 21/3/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố G, nên chị H được khấu trừ. Hoàn trả cho chị H 150.000.đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) còn thừa.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS Nhân dân TP.Rạch Giá;
- Chi cục T.H.A TP.Rạch Giá;
- Các đương sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thùy Linh